

CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG PHÚ THỌ
Số: 165 /CV-XMPT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v: Giải trình chênh lệch LNST

Quý III năm 2020 và 9 tháng đầu năm
2020

Thanh Ba, ngày 15 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước.

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty CP xi măng Phú Thọ xin giải trình LNST lỗ; có sự chênh lệch kỳ này và kỳ trước trong Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo Văn phòng Công ty quý III/ 2020 và 9 tháng đầu năm 2020 như sau:

I. Báo cáo tài chính tổng hợp:

a. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch Quý III/2020 và Quý III/2019:

Chỉ tiêu	Quý III/2020	Quý III/2019	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	59.303	53.947	5.357	9,93
Các khoản giảm trừ	210	541	(331)	(61,13)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	59.093	53.405	5.687	10,65
Giá vốn hàng bán	56.905	53.280	3.625	6,80
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	2.188	126	2.063	1.641,54
Doanh thu hoạt động tài chính	0,1	0,2	(0)	(43,56)
Chi phí tài chính	6.347,6	5.900	448	7,59
Chi phí bán hàng	1.073	1.518	(444)	(29,28)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.740	3.247	493	15,19
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(8.972)	(10.538)	1.566	(14,86)
Thu nhập khác	9	-	9	-
Chi phí khác	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	9	-	9	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.964)	(10.538)	1.575	(14,94)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(8.964)	(10.538)	1.575	(14,94)

Lợi nhuận sau thuế quý III/2020 của Công ty lỗ 8.964 triệu đồng giảm lỗ 1.575 triệu đồng so với quý III/2019 (lỗ 10.538 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ quý III/2020 là: 59.093 triệu đồng tăng so với quý III/2019 (53.405 triệu đồng) là: 10,65% tương ứng với 5.687 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của quý III/2020 là: 66.454,08 tấn xi măng các loại tăng so với quý III/2019 (60.121,59 tấn) tương đương tăng 10,53%. Giá vốn hàng bán tăng từ 53.280 triệu đồng của quý III/2019 lên 56.905 triệu đồng quý III/2020 (tăng 6,8% tương ứng tăng 3.625 triệu đồng). Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của quý III/2020 tăng 2.063 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của quý III/2020 là: 1.073 triệu đồng giảm 444 triệu đồng so với quý III/2019 (1.518 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của quý III/2020 (3.740 triệu đồng) tăng 493 triệu đồng so với quý III/2019 (3.247 triệu đồng). Chi phí tài chính tăng 448 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của quý III/2020 tăng so với quý III/2019 là: 1.566 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác tăng 9 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế quý III/2020 tăng 1.575 triệu đồng so với quý III/2019.

b. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch 9 tháng đầu năm 2020 và 9 tháng đầu năm 2019:

Chỉ tiêu	9 tháng 2020	9 tháng 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	180.284	168.987	11.297	6,69
Các khoản giảm trừ	552	1.985	(1.434)	(72,22)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	179.733	167.002	12.731	7,62
Giá vốn hàng bán	175.415	168.454	6.960	4,13
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	4.318	(1.452)	5.770	(397,30)
Doanh thu hoạt động tài chính	0,9	5	(4)	(83,33)
Chi phí tài chính	18.376,6	16.936	1.440	8,50
Chi phí bán hàng	5.103	4.274	829	19,40
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.939	9.781	1.158	11,84
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(30.100)	(32.438)	2.338	(7,21)
Thu nhập khác	36	8	27	323,39
Chi phí khác	-	9	(9)	(100,00)
Lợi nhuận khác	36	(1)	36	(5.891,71)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(30.064)	(32.439)	2.374	(7,32)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(30.064)	(32.439)	2.374	(7,32)

Lợi nhuận sau thuế 9 tháng đầu năm 2020 của Công ty lỗ 30.064 triệu đồng giảm lỗ 2.374 triệu đồng so với 9 tháng đầu năm 2019 (lỗ 32.439 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ 9 tháng đầu năm 2020 là: 180.284 triệu đồng tăng so với 9 tháng đầu năm 2019 (168.987 triệu đồng) là: 6,69% tương ứng với 11.297 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của 9 tháng đầu năm 2020 là: 200.382,99 tấn xi măng các loại tăng so với 9 tháng đầu năm 2019 (180.344,69 tấn) tương đương tăng 11,11 % .Giá vốn hàng bán tăng từ 168.454 triệu đồng của 9 tháng đầu năm 2019 lên 175.415 triệu đồng 9 tháng đầu năm 2020 (tăng 4,13 % tương ứng tăng 6.960 triệu đồng). Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của 9 tháng đầu năm 2020 tăng 5.770 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của 9 tháng đầu năm 2020 là: 5.103 triệu đồng tăng 829 triệu đồng so với 9 tháng đầu năm 2019 (4.274 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của 9 tháng đầu năm 2020 (10.939 triệu đồng) tăng 1.158 triệu đồng so với 9 tháng đầu năm 2019 (9.781 triệu đồng). Chi phí tài chính tăng 1.440 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của 9 tháng đầu năm 2020 tăng so với 9 tháng đầu năm 2019 là: 2.338 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác tăng 36 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 9 tháng đầu năm 2020 tăng 2.374 triệu đồng so với 9 tháng đầu năm 2019.

II. Báo cáo tài chính văn phòng Công ty:

a. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch Quý III/2020 và Quý III/2019:

Chỉ tiêu	Quý III/2020	Quý III/2019	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	59.303	53.947	5.357	9,93
Các khoản giảm trừ	210	541	(331)	(61,13)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	59.093	53.405	5.687	10,65
Giá vốn hàng bán	56.905	53.280	3.625	6,80
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	2.188	126	2.063	1.641,54
Doanh thu hoạt động tài chính	0,1	0,2	(0)	(43,56)
Chi phí tài chính	6.347,6	5.900	448	7,59
Chi phí bán hàng	1.073	1.518	(444)	(29,28)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.740	3.247	493	15,19
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(8.972)	(10.538)	1.566	(14,86)
Thu nhập khác	9	-	9	-
Chi phí khác	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	9	-	9	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.964)	(10.538)	1.575	(14,94)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(8.964)	(10.538)	1.575	(14,94)

Lợi nhuận sau thuế quý III/2020 của Công ty lỗ 8.964 triệu đồng giảm lỗ 1.575 triệu đồng so với quý III/2019(lỗ 10.538 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ quý III/2020 là: 59.093 triệu đồng tăng so với quý III/2019 (53.405 triệu đồng) là: 10,65% tương ứng với 5.687 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của quý III/2020 là: 66.454,08 tấn xi măng các loại tăng so với quý III/2019 (60.121,59 tấn) tương đương tăng 10,53 % .Giá vốn hàng bán tăng từ 53.280 triệu đồng của quý III/2019 lên 56.905 triệu đồng quý III/2020 (tăng 6,8 % tương ứng tăng 3.625 triệu đồng). Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của quý III/2020 tăng 2.063 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của quý III/2020 là: 1.073 triệu đồng giảm 444 triệu đồng so với quý III/2019(1.518 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của quý III/2020 (3.740 triệu đồng) tăng 493 triệu đồng so với quý III/2019 (3.247 triệu đồng). Chi phí tài chính tăng 448 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của quý III/2020 tăng so với quý III/2019 là: 1.566 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác tăng 9 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế quý III/2020 tăng 1.575 triệu đồng so với quý III/2019.

b. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch 9 tháng đầu năm 2020 và 9 tháng đầu năm 2019:

Chỉ tiêu	9 tháng 2020	9 tháng 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	180.284	168.987	11.297	6,69
Các khoản giảm trừ	552	1.985	(1.434)	(72,22)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	179.733	167.002	12.731	7,62
Giá vốn hàng bán	175.415	168.454	6.960	4,13
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	4.318	(1.452)	5.770	(397,30)
Doanh thu hoạt động tài chính	0,9	5	(4)	(83,33)
Chi phí tài chính	18.376,6	16.936	1.440	8,50
Chi phí bán hàng	5.103	4.274	829	19,40
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.939	9.781	1.158	11,84
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(30.100)	(32.438)	2.338	(7,21)
Thu nhập khác	36	8	27	323,39
Chi phí khác	-	9	(9)	(100,00)
Lợi nhuận khác	36	(1)	36	(5.891,71)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(30.064)	(32.439)	2.374	(7,32)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(30.064)	(32.439)	2.374	(7,32)

Lợi nhuận sau thuế 9 tháng đầu năm 2020 của Công ty lỗ 30.064 triệu đồng giảm lỗ 2.374 triệu đồng so với 9 tháng đầu năm 2019 (lỗ 32.439 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ 9 tháng đầu năm 2020 là: 180.284 triệu đồng tăng so với 9 tháng đầu năm 2019 (168.987 triệu đồng) là: 6,69% tương ứng với 11.297 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của 9 tháng đầu năm 2020 là: 200.382,99 tấn xi măng các loại tăng so với 9 tháng đầu năm 2019 (180.344,69 tấn) tương đương tăng 11,11%. Giá vốn hàng bán tăng từ 168.454 triệu đồng của 9 tháng đầu năm 2019 lên 175.415 triệu đồng 9 tháng đầu năm 2020 (tăng 4,13% tương ứng tăng 6.960 triệu đồng). Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của 9 tháng đầu năm 2020 tăng 5.770 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của 9 tháng đầu năm 2020 là: 5.103 triệu đồng tăng 829 triệu đồng so với 9 tháng đầu năm 2019 (4.274 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của 9 tháng đầu năm 2020 (10.939 triệu đồng) tăng 1.158 triệu đồng so với 9 tháng đầu năm 2019 (9.781 triệu đồng). Chi phí tài chính tăng 1.440 triệu đồng. Từ các yếu tố trên,

làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của 9 tháng đầu năm 2020 tăng so với 9 tháng đầu năm 2019 là: 2.338 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác tăng 36 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 9 tháng đầu năm 2020 tăng 2.374 triệu đồng so với 9 tháng đầu năm 2019.

Trên đây là giải trình của Công ty CP xi măng Phú Thọ, đề nghị Ủy ban chứng khoán nhà nước; Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT (B/c);
- Ban Kiểm Soát(B/c);
- Lưu VP.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Tuấn Đạt